



**Công ty Cổ phần Chứng khoán
Thành phố Hồ Chí Minh**

**Báo cáo tài chính cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2007**

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh
Thông tin về Công ty

**Giấy phép đăng ký
kinh doanh số**

4103001573/GP

23 tháng 4 năm 2003

Giấy đăng ký kinh doanh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

**Giấy phép kinh doanh
chứng khoán số**

11/UBCK-GPHDKD

29 tháng 4 năm 2003

15/UBCK-GPHDLK

2 tháng 5 năm 2003

74/UBCK-GP

27 tháng 9 năm 2007

Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán và các Giấy phép điều chỉnh do Ủy Ban Chứng khoán cấp.

Hội đồng Quản trị

Bà Ngô Kim Liên

Chủ tịch

(từ ngày 30 tháng 6 năm 2007)

Bà Giao Thị Yến

Chủ tịch

(đến ngày 30 tháng 6 năm 2007)

Ông Đỗ Hùng Việt

Phó Chủ tịch

Ông Lê Anh Minh

Phó Chủ tịch

Ông Nguyễn Quyết Chiến

Thành viên

Ông Johan Nyvene

Thành viên

(từ ngày 30 tháng 6 năm 2007)

Ông Phạm Nghiêm Xuân Bắc

Thành viên

Ông Nguyễn Hữu Thành

Thành viên

Ông Hoàng Đình Thắng

Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Johan Nyvene

Giám đốc điều hành

(từ ngày 30 tháng 6 năm 2007)

Ông Nguyễn Hữu Nam

Giám đốc điều hành

(đến ngày 30 tháng 6 năm 2007)

Ông Trịnh Hoài Giang

Phó Giám đốc điều hành

(từ ngày 15 tháng 5 năm 2007)

Ông Phạm Minh Phương

Phó Giám đốc điều hành

**Văn phòng chính tại
Thành Phố Hồ Chí Minh**

Lầu 1-2-3, Tòa nhà Capital Place

6 Thái Văn Lung, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Việt Nam

Đơn vị kiểm toán

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam



KPMG Limited
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street
District 1, Ho Chi Minh City
The Socialist Republic of Vietnam

Telephone +84 (8) 821 9266
Fax +84 (8) 821 9267
Internet www.kpmg.com

BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN ĐỘC LẬP

**Kính gửi các Cổ đông
Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh**

Phạm vi kiểm toán

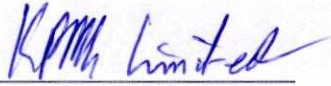
Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán đính kèm của Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (“Công ty”) tại ngày 31 tháng 12 năm 2007 và các báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu và báo cáo lưu chuyển tiền tệ liên quan cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007, được trình bày từ trang 4 đến trang 37. Việc lập và trình bày các báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Các báo cáo tài chính của Công ty cho năm trước, trước các điều chỉnh được giải thích ở thuyết minh 32 và 33, được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán khác với báo cáo đề ngày 26 tháng 3 năm 2007, trình bày ý kiến chấp nhận toàn phần về các báo cáo tài chính này.

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và các Chuẩn mực Kiểm toán Quốc tế được chấp nhận ở Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để có được sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không chứa đựng các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các giải trình trên báo cáo tài chính. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và các ước tính trọng yếu của Ban Giám đốc, cũng như việc đánh giá cách trình bày tổng quát của các báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, các báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, về tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh tại ngày 31 tháng 12 năm 2007, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với quyết định số 99/2000/QĐ-BTC do Bộ Tài chính cấp ngày 13 tháng 6 năm 2000 theo hệ thống kế toán của các công ty chứng khoán, các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các nguyên tắc kế toán được chấp nhận chung tại Việt Nam.

Dù không đưa ra ý kiến loại trừ, chúng tôi lưu ý người đọc đến Thuyết minh 32 trong báo cáo tài chính. Trong năm kết thúc 31 tháng 12 năm 2007 Công ty đã phát hiện ra một lỗi trong báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2006. Do đó số liệu so sánh liên quan cho năm kết thúc 31 tháng 12 năm 2006 đã được điều chỉnh lại.



Công ty TNHH KPMG
Việt Nam
Giấy phép đầu tư số: 863/GP
Báo cáo kiểm toán số: 07-01-335



John P. Ditty
Chứng chỉ kiểm toán viên số N0555/KTV
Tổng Giám đốc



Trần Đình Vinh
Chứng chỉ kiểm toán viên số 0339/KTV

Thành phố Hồ Chí Minh, 11 APR 2008

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh
Bảng cân đối kế toán ngày 31 tháng 12 năm 2007

	Mã số	Thuyết minh	2007 VNĐ	2006 VNĐ Trình bày lại
TÀI SẢN				
A- TÀI SẢN NGẮN HẠN VÀ ĐẦU TƯ NGẮN HẠN	100		1.258.228.252.546	365.994.275.846
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	581.787.772.199	122.703.886.332
Tiền mặt tại quỹ	111		360.070.207	3.561.333.621
Tiền gửi ngân hàng	112		525.068.874.756	78.171.818.808
Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán	114		56.358.827.236	40.970.733.903
II. Đầu tư chứng khoán ngắn hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn khác	120		625.242.395.173	213.062.884.708
Chứng khoán tự doanh	121	5	390.158.215.112	131.540.684.108
Đầu tư ngắn hạn	123	6	267.166.238.600	81.522.200.600
Dự phòng giảm giá chứng khoán tự doanh và đầu tư ngắn hạn	126		(32.082.058.539)	-
III. Các khoản phải thu	130		49.576.690.615	28.387.507.562
Trả trước cho người bán	134		-	457.800.000
Các khoản phải thu khác	137	7	49.576.690.615	27.929.707.562
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.621.394.559	1.839.997.244
Tạm ứng	151		637.488.522	1.637.175.445
Chi phí trả trước	152		983.906.037	134.481.799
Công cụ và dụng cụ			-	68.340.000
B - TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÀ ĐẦU TƯ DÀI HẠN	200		63.930.459.294	23.958.391.278
I. Tài sản cố định	210		6.185.293.113	2.624.085.495
Tài sản cố định hữu hình	211	8	5.725.174.348	2.341.242.254
Nguyên giá	212		8.178.303.094	3.676.126.870
Khấu hao lũy kế	213		(2.453.128.746)	(1.334.884.616)
Tài sản cố định vô hình	217	9	460.118.765	282.843.241
Nguyên giá	218		1.510.854.020	572.614.615
Phân bổ lũy kế	219		(1.050.735.255)	(289.771.374)
II. Các khoản đầu tư chứng khoán dài hạn và đầu tư dài hạn khác	220		45.834.206.793	19.362.660.873
Đầu tư dài hạn khác	221	10	45.834.206.793	19.362.660.873
III. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	11	3.576.409.109	-

Các thuyết minh từ trang 12 đến trang 37 là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh
Bảng cân đối kế toán ngày 31 tháng 12 năm 2007 (tiếp theo)

	Mã số	Thuyết minh	2007 VND	2006 VND Trình bày lại
IV. Tài sản dài hạn khác	240		8.334.550.279	1.971.644.910
Ký quỹ dài hạn	241	12	1.076.094.904	510.589.500
Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	242	13	186.024.720	186.024.720
Chi phí trả trước dài hạn	243	14	7.072.430.655	1.275.030.690
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	250		1.322.158.711.840	389.952.667.124

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh
Bảng cân đối kế toán ngày 31 tháng 12 năm 2007 (tiếp theo)

	Mã số	Thuyết minh	2007 VNĐ	2006 VNĐ Trình bày lại
NGUỒN VỐN				
A- NỢ PHẢI TRẢ	300		672.715.072.887	229.071.912.752
I. Nợ ngắn hạn	310		672.315.072.887	229.071.912.752
Vay ngắn hạn			-	64.169.485.600
Phải trả cho Trung tâm Giao Dịch Chứng khoán	315		47.679.968.030	-
Phải trả người bán	318		-	1.363.036.900
Người mua ứng trước	319		6.018.167.828	879.774.875
Các khoản phải trả – thương mại			658.000.000	1.936.270.000
Thuế phải nộp Nhà Nước	323	15	11.646.142.058	9.074.604.825
Chi phí trích trước	325		5.681.085.561	2.484.576.840
Các khoản phải trả khác	328	16	467.849.010.027	78.528.544.720
Thanh toán giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư	332		132.782.699.383	70.635.618.992
II. Nợ dài hạn	340		400.000.000	-
Dự phòng trợ cấp thôi việc	342	17	400.000.000	-
B- VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		649.443.638.953	160.880.754.372
I. Vốn	410		200.000.000.000	100.000.000.000
Vốn cổ phần	412	18	200.000.000.000	100.000.000.000
II. Vốn bổ sung	420	19	236.099.785.000	5.275.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	421		236.099.785.000	5.275.000.000
II. Các quỹ và lợi nhuận chưa phân phối	430	19	213.343.853.953	94.965.916.872
Quỹ dự trữ pháp định	432		15.608.106.143	2.986.019.837
Lợi nhuận chưa phân phối	438		194.595.180.551	91.608.877.252
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	439		3.140.567.259	371.019.783
IV. Vốn điều chỉnh	440		-	(39.360.162.500)
Chứng khoán ngân quỹ	443		-	(39.360.162.500)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	450		1.322.158.711.840	389.952.667.124

Người lập:



Lâm Hữu Hồ
Giám đốc Tài chính

Người duyệt:



Johan Nyvene
Giám đốc Điều hành



Các thuyết minh từ trang 12 đến trang 37 là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007

PHẦN I - BÁO CÁO LÃI VÀ LỖ

	Mã số	Thuyết minh	2007 VNĐ	2006 VNĐ Trình bày lại
Doanh thu từ hoạt động kinh doanh chứng khoán	01		224.705.757.363	114.712.545.802
Doanh thu môi giới chứng khoán cho người đầu tư	02		32.835.148.535	7.133.457.555
Doanh thu hoạt động tự doanh chứng khoán	03		168.372.368.484	98.092.044.429
Doanh thu bảo lãnh phát hành, đại lý phát hành chứng khoán	05		131.327.129	154.053.608
Doanh thu tư vấn đầu tư chứng khoán cho người đầu tư	06		3.411.628.200	1.098.000.000
Doanh thu từ lưu ký chứng khoán	07		-	15.000.000
Hoàn nhập dự phòng và khoản trích trước	08		-	1.735.785.130
Doanh thu về vốn kinh doanh	09	20	19.955.285.015	6.505.272.421
Các khoản giảm trừ doanh thu			-	(21.067.341)
Thu lãi đầu tư	13		5.806.745.800	4.941.057.705
Doanh thu thuần từ hoạt động kinh doanh chứng khoán và đầu tư	14		230.512.503.163	119.653.603.507
Chi phí hoạt động kinh doanh chứng khoán	15	21	(41.141.309.776)	(2.711.207.550)
Lợi nhuận gộp	20		189.371.193.387	116.942.395.957
Chi phí quản lý	30	22	(41.215.229.790)	(15.601.684.620)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh chứng khoán và đầu tư			148.155.963.597	101.340.711.337
Thu nhập khác			869.539.364	508.369.545
Chi phí khác			(927.217.237)	(643.448.179)
Lợi nhuận trước thuế	60		148.098.285.724	101.205.632.703
Thuế thu nhập doanh nghiệp – hiện hành	70	24	(15.953.137.742)	(9.596.755.451)
Thuế thu nhập doanh nghiệp – hoãn lại	71	24	-	-
Lợi nhuận thuần sau thuế	80		132.145.147.982	91.608.877.252
Lãi trên cổ phiếu		31		
Lãi cơ bản trên cổ phiếu			10.718	15.500
Lãi suy giảm trên cổ phiếu			4.087	15.500

Các thuyết minh từ trang 12 đến trang 37 là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007
(tiếp theo)

PHẦN II - TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHĨA VỤ ĐỐI VỚI NHÀ NƯỚC

	Mã số	Số còn phải nộp đầu kỳ VNĐ Trình bày lại	Số phát sinh trong kỳ VNĐ	Số đã nộp trong kỳ VNĐ	Số còn phải nộp cuối kỳ VNĐ
Thuế					
Thuế giá trị gia tăng		-	195.075.349	(195.075.349)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	17	8.948.480.168	15.953.137.742	(15.917.552.290)	8.984.065.620
Thuế nhà đầu tư nước ngoài		-	2.252.147.180	-	2.252.147.180
Thuế khác	17	126.124.657	2.432.147.424	(2.148.342.823)	409.929.258
Tổng cộng	21	9.074.604.825	20.832.507.695	(18.260.970.462)	11.646.142.058

Người lập:



Lâm Hữu Hồ
Giám đốc Tài chính

Người duyệt:




Johan Nyvene
Giám đốc điều hành

11 APR 2008

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh
Báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007

	Vốn góp VND	Cổ phiếu quỹ VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ dự trữ pháp định VND	Quỹ khen thưởng và phúc lợi VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư ngày 1 tháng 1 năm 2006	50.000.000.000	(126.000.000)	2.375.000.000	1.938.943.383	36.721.783	7.869.463.866	62.094.129.032
Vốn góp trong năm	50.000.000.000	-	2.900.000.000	-	-	-	52.900.000.000
Lợi nhuận thuần trong năm (trình bày lại)	-	-	-	-	-	91.608.877.252	91.608.877.252
Trích lập các quỹ	-	-	-	1.047.076.454	500.000.000	(1.547.076.454)	-
Sử dụng quỹ	-	-	-	-	(165.702.000)	-	(165.702.000)
Mua lại cổ phiếu quỹ	-	(39.234.162.500)	-	-	-	-	(39.234.162.500)
Cổ tức	-	-	-	-	-	(6.322.387.412)	(6.322.387.412)
Số dư ngày 1 tháng 1 năm 2007	100.000.000.000	(39.360.162.500)	5.275.000.000	2.986.019.837	371.019.783	91.608.877.252	160.880.754.372
Vốn góp trong năm	100.000.000.000	-	230.824.785.000	-	-	-	330.824.785.000
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	132.145.147.982	132.145.147.982
Trích lập các quỹ	-	-	-	12.622.086.306	4.573.219.676	(17.195.305.982)	-
Sử dụng quỹ	-	-	-	-	(1.803.672.200)	-	(1.803.672.200)
Tái phát hành cổ phiếu quỹ	-	39.360.162.500	-	-	-	17.239.837.500	56.600.000.000
Cổ tức	-	-	-	-	-	(29.110.556.078)	(29.110.556.078)
Các điều chỉnh khác	-	-	-	-	-	(92.820.123)	(92.820.123)
Số dư ngày 31 tháng 12 năm 2007	200.000.000.000	-	236.099.785.000	15.608.106.143	3.140.567.259	194.595.180.551	649.443.638.953

Người lập:

Lâm Hữu Hồ
Lâm Hữu Hồ
 Giám đốc Tài chính

Người duyệt:

Johan Nyvenc
Johan Nyvenc
 Giám đốc điều hành



Các thuyết minh từ trang 12 đến trang 37 là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007

	Mã số	Thuyết minh	2007 VNĐ	2006 VNĐ
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		148.098.285.724	101.205.632.703
<i>Điều chỉnh cho các khoản</i>				
Khấu hao và phân bổ	02		4.926.221.270	769.330.673
Dự phòng	03		32.482.058.539	(827.675.946)
Xóa sổ tài sản cố định			159.381.375	270.157.268
Lỗ/(lãi) do thanh lý tài sản cố định			47.677.873	(135.078.634)
Thu nhập cổ tức			(5.740.230.800)	(4.941.057.705)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động			179.973.393.981	96,341,308359
Tăng chứng khoán tự doanh, các khoản phải thu và tài sản ngắn hạn khác	21		(465.213.245.172)	(65.340.324.182)
Tăng các khoản phải trả và nợ khác	23		503.384.151.764	115.841.553.554
Cổ tức đã trả			(25.117.647.559)	(7.503.329.300)
Thuế đã nộp			(15.917.552.290)	(617.572.775)
Sử dụng quỹ			(1.803.672.200)	(165.702.000)
Phải trả khác cho hoạt động đầu tư			(92.820.123)	-
Tiền thuần chi cho hoạt động kinh doanh	40		175.212.608.401	138.555.933.656
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
	41			
Tiền chi mua tài sản cố định			(6.514.090.889)	(2.181.584.621)
Tiền chi xây dựng cơ bản dở dang			(3.576.409.109)	-
Tiền chi trả trước dài hạn			(8.587.610.502)	(1.275.030.690)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định			590.909.090	508.369.545
Tiền chi đầu tư dài hạn			(27.037.051.324)	(16.308.083.588)
Thu nhập cổ tức			5.740.230.800	4.941.057.705
Tiền thuần chi cho hoạt động đầu tư	50		(39.384.021.934)	(14.315.271.649)

Các thuyết minh từ trang 12 đến trang 37 là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007 (tiếp theo)

	Mã Thuyết số minh	2007 VNĐ	2006 VNĐ
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Thu từ phát hành cổ phiếu		330.824.785.000	52.900.000.000
Mua lại cổ phiếu quỹ		-	(39.360.162.500)
Thu từ tái phát hành cổ phiếu quỹ		56.600.000.000	-
Vay thêm		247.795.939.000	-
Tiền chi trả nợ gốc vay		(311.965.424.600)	(33.095.394.400)
Tiền thuần thu từ hoạt động tài chính	60	323.255.299.400	(19.555.556.900)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	70	459.083.885.867	104.685.105.107
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	80	122.703.886.332	18.018.781.225
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	90	581.787.772.199	122.703.886.332

Người lập:



Lâm Hữu Hồ
Giám đốc Tài chính

Người duyệt:



Johan Nyvene
Giám đốc điều hành

11 APR 2008

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007 (tiếp theo)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính đính kèm.

1. Hoạt động chính

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (“Công ty”) là công ty cổ phần thành lập tại Việt Nam với các hoạt động chính là thực hiện các hoạt động môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán và cung cấp dịch vụ lưu ký chứng khoán theo Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số 11/UBCK-GPHDKD do Ủy Ban Chứng khoán Nhà Nước Việt Nam cấp ngày 29 tháng 4 năm 2003 và điều chỉnh ngày 2 tháng 5 năm 2003 và ngày 27 tháng 9 năm 2007 (sau đây được gọi chung là “Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán”).

Tổng số vốn cổ phần của Công ty được quy định trong Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán là 200 tỷ VNĐ.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2007 Công ty có 123 nhân viên (tại ngày 31 tháng 12 năm 2006: 60).

2. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập các báo cáo tài chính này.

(a) Cơ sở lập báo cáo tài chính

Các báo cáo tài chính trình bày bằng Đồng Việt Nam (“VNĐ”), được lập theo Quyết Định số 99/2000/QĐ-BTC của Bộ Tài Chính ban hành ngày 13 tháng 6 năm 2000 của Bộ tài chính về việc ban hành chế độ kế toán công ty chứng khoán, các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các nguyên tắc kế toán phổ biến được chấp thuận tại Việt Nam.

Các báo cáo tài chính được lập trên cơ sở giá gốc.

(b) Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007 (tiếp theo)

(c) Báo cáo theo lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là thực hiện các hoạt động môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán và cung cấp dịch vụ lưu ký chứng khoán. Hình thức chính cho việc báo cáo theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty là dựa vào các hoạt động kinh doanh chủ lực của Công ty bao gồm môi giới, đầu tư và tư vấn đầu tư. Công ty không báo cáo thông tin bộ phận theo khu vực địa lý do hoạt động của Công ty diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

(d) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các khoản mục tài sản và công nợ có gốc bằng các đơn vị tiền khác với VNĐ được quy đổi sang VNĐ theo tỷ giá hối đoái của ngày kết thúc niên độ kế toán. Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VNĐ phát sinh trong năm được quy đổi sang VNĐ theo tỷ giá hối đoái xấp xỉ tỷ giá hối đoái qui định của ngày giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá đã và chưa thực hiện được kết chuyển toàn bộ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

(e) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền đang chuyển, tiền gửi không kỳ hạn và tiền gửi có kỳ hạn với kỳ hạn gốc không quá 3 tháng.

(f) Chứng khoán tự doanh, đầu tư ngắn hạn và dài hạn

(i) Phân loại

Công ty phân loại các cổ phiếu niêm yết và các cổ phiếu chưa niêm yết được mua cho mục đích kinh doanh là chứng khoán tự doanh. Sự phân loại này phù hợp với mục tiêu của Công ty nhằm mua các cổ phiếu niêm yết và chưa niêm yết và bán lại để có thể thu được một khoản lợi nhuận cao nhất trong thời gian ngắn. Các khoản đầu tư dài hạn khác được dự định giữ trong thời gian lớn hơn một năm (mặc dù thời gian thực sự giữ lại có thể dài hơn hoặc ngắn hơn phụ thuộc vào tình hình hoạt động của các công ty được đầu tư các trường hợp khác) thì được phân loại thành khoản đầu tư dài hạn khác.

(ii) Ghi nhận

Công ty ghi nhận các chứng khoán tự doanh, các khoản đầu tư ngắn hạn và các khoản đầu tư dài hạn khác tại ngày mà công ty ký kết các hợp đồng.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007 (tiếp theo)

(iii) Đánh giá

Chứng khoán niêm yết tự doanh được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán theo giá đóng cửa tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh, Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội vào ngày lập bảng cân đối kế toán.

Các khoản đầu tư ngắn hạn, chủ yếu bao gồm các khoản cho vay ngắn hạn cho các bên thứ ba, được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng nợ khó đòi, nếu có.

Các khoản đầu tư dài hạn khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng giảm giá theo quyết định của Ban Giám đốc. Ban Giám đốc xác định các khoản dự phòng giảm giá sau khi xem xét giá gốc, tình hình thị trường, các hoạt động kinh doanh hiện tại và trong dự án và các luồng lưu chuyển tiền tệ ước tính.

Dự phòng giảm giá chứng khoán tự doanh, các khoản đầu tư ngắn hạn và các khoản đầu tư dài hạn khác như đề cập trên được hoàn nhập khi việc tăng lên sau đó của giá trị có thể thu hồi là do sự kiện khách quan xảy ra sau khi khoản dự phòng được lập. Dự phòng chỉ được hoàn nhập đến mức tối đa bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư khi chưa lập dự phòng.

Chứng khoán mua theo các hợp đồng để bán lại (hợp đồng mua để bán lại chứng khoán) không được ghi nhận như khoản mua chứng khoán mà là khoản phải thu và được phản ánh trên bảng cân đối kế toán theo nguyên giá. Tiền lãi thu được từ các hợp đồng mua để bán lại chứng khoán này được ghi nhận là khoản thu nhập tiền lãi dựa theo thời hạn của từng hợp đồng trên cơ sở dồn tích.

Tiền tạm ứng theo các hợp đồng để mua chứng khoán trong tương lai được ghi nhận như khoản phải thu và được phản ánh trên bảng cân đối kế toán theo nguyên giá trừ dự phòng phải thu khó đòi. Tiền lãi thu được từ các hợp đồng này được ghi nhận là khoản thu nhập tiền lãi dựa theo thời hạn của từng hợp đồng trên cơ sở dồn tích.

(iv) Chấm dứt ghi nhận

Chứng khoán tự doanh, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn được chấm dứt ghi nhận khi các quyền lợi nhận các luồng tiền tệ từ các khoản đầu tư đã hết hoặc Công ty đã chuyển phần lớn rủi ro và lợi ích của việc sở hữu.

Nguyên giá của chứng khoán tự doanh được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

(g) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007 (tiếp theo)

(h) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu và các loại thuế mua hàng không được hoàn lại và chi phí phân bổ trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và điều kiện làm việc hiện tại cho mục đích sử dụng đã định sẵn. Các khoản chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo trì và đại tu thường ghi nhận vào báo cáo hoạt động kinh doanh tại thời điểm phát sinh chi phí. Trong các trường hợp các khoản chi phí này thể hiện rõ sẽ mang lại thêm lợi ích kinh tế trong tương lai do việc sử dụng tài sản cố định hữu hình so với trạng thái hoạt động được đánh giá ban đầu thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- | | |
|--------------------------|-----------|
| ▪ máy móc và thiết bị | 3 - 5 năm |
| ▪ phương tiện vận chuyển | 6 năm |

(i) Tài sản cố định vô hình

Phần mềm vi tính

Giá mua của phần mềm vi tính mới mà phần mềm vi tính này không là một bộ phận không thể tách rời với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm vi tính được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 3 - 4 năm.

(j) Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh nguyên giá của các khoản chi phí xây dựng/lắp đặt chưa được hoàn tất. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong giai đoạn xây dựng/lắp đặt.

(k) Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trực tiếp liên quan đến các giai đoạn trong tương lai, mà không thỏa điều kiện để được hạch toán như tài sản cố định, được ghi nhận là chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh từ một năm đến ba năm.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007 (tiếp theo)

(l) Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác được phản ánh theo nguyên giá.

(m) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp trên số lợi nhuận hoặc lỗ chịu thuế trong năm bao gồm thuế hiện hành và thuế hoãn lại. Thuế thu nhập được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp các khoản thuế này có liên quan đến các khoản mục được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu thì sẽ được ghi nhận vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế ước tính phải nộp trên thu nhập chịu thuế trong năm, áp dụng thuế suất được ban hành hoặc cơ bản được ban hành tại ngày lập bảng cân đối kế toán và mọi khoản điều chỉnh thuế phải trả liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp số dư nợ trên bảng cân đối kế toán, dựa trên các chênh lệch tạm thời giữa trị giá sổ sách của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập báo cáo tài chính và số liệu sử dụng cho mục đích thuế. Thuế hoãn lại được ghi nhận dựa trên việc ước tính khả năng phát sinh hoặc quyết toán các số liệu ghi nhận trên sổ sách của tài sản và nợ phải trả sử dụng mức thuế suất được ban hành hoặc cơ bản ban hành vào ngày lập bảng cân đối kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong trường hợp có sự chắc chắn rằng lợi nhuận chịu thuế trong tương lai có thể cản trở vào tài sản thuế này. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong trường hợp không còn khả năng chắc chắn rằng các lợi ích về thuế này sẽ được thực hiện.

(n) Vốn cổ phần

(i) Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được phân loại như vốn chủ sở hữu. Chi phí tăng liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu phổ thông được ghi nhận là khoản giảm vốn chủ sở hữu.

(ii) Thặng dư vốn cổ phần

Trên biên nhận vốn của các cổ đông, sự chênh lệch giữa giá phát hành và giá danh nghĩa của cổ phiếu được ghi nhận là khoản thặng dư vốn cổ phần của chủ sở hữu.

(iii) Cổ phiếu ngân quỹ

Khi cổ phiếu được ghi nhận như vốn chủ sở hữu được mua, số tiền thanh toán, bao gồm chi phí trực tiếp phát sinh khi mua, sau khi trừ ảnh hưởng của thuế, được ghi nhận như một khoản giảm của vốn chủ sở hữu. Những cổ phiếu được mua lại được phân loại như cổ phiếu quỹ và được ghi nhận như một khoản giảm trừ vào vốn chủ sở hữu. Khi cổ phiếu được mua lại được tái phát hành, chênh lệch giữa giá phát hành lại và giá mua lại được ghi nhận trong lợi nhuận chưa phân phối.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007 (tiếp theo)

(o) Quỹ dự trữ pháp định và quỹ khen thưởng và phúc lợi

Quỹ dự phòng bổ sung vốn cổ phần được tính dựa vào lợi nhuận sau thuế. Mục đích của quỹ dự phòng này là bổ sung vào vốn cổ phần.

Quỹ dự phòng tài chính được phân bổ từ lợi nhuận sau thuế và nhằm bù đắp các khoản lỗ phát sinh trong quá trình hoạt động kinh doanh. Quỹ dự phòng này và quỹ dự trữ bổ sung vốn cổ phần được lập theo quy định của pháp luật và không được phép sử dụng.

Quỹ khen thưởng và phúc lợi được phân bổ từ lợi nhuận sau thuế và được sử dụng để chi trả các chi phí cho nhân viên của Công ty. Quỹ khen thưởng và phúc lợi không bắt buộc lập theo quy định của pháp luật và được phép sử dụng.

(p) Doanh thu

(i) *Doanh thu môi giới chứng khoán cho người đầu tư*

Doanh thu từ hoạt động môi giới chứng khoán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi giao dịch chứng khoán được hoàn thành.

(ii) *Doanh thu hoạt động tự doanh chứng khoán*

Doanh thu từ hoạt động tự doanh chứng khoán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi Công ty nhận được thông báo thanh toán cho các giao dịch kinh doanh chứng khoán từ Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (đối với các chứng khoán niêm yết) và thỏa thuận chuyển nhượng tài sản đã được hoàn tất (đối với các chứng khoán chưa niêm yết).

(iii) *Doanh thu tư vấn đầu tư chứng khoán*

Doanh thu từ hoạt động tư vấn đầu tư chứng khoán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tiến độ hoàn thành giao dịch tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Tiến độ hoàn thành được đánh giá trên cơ sở xem xét các công việc đã thực hiện.

(iv) *Doanh thu về vốn kinh doanh*

Doanh thu về vốn kinh doanh chủ yếu phản ánh thu nhập lãi tiền gửi tại các ngân hàng, lãi từ các hợp đồng mua để bán lại chứng khoán và các khoản tiền tạm ứng. Doanh thu về vốn kinh doanh được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dồn tích.

(v) *Thu lãi đầu tư*

Doanh thu từ thu lãi đầu tư chủ yếu thể hiện thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức của Công ty được thiết lập.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007 (tiếp theo)

(q) Lãi trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu và lãi suy giảm trên cổ phiếu (EPS) đối với cổ phiếu phổ thông của Công ty. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm, bao gồm cả trái phiếu có thể chuyển đổi, quyền chọn mua cổ phiếu đối với nhân viên, và cổ phiếu chờ được phép lưu hành chính thức.

(r) Các công ty liên quan

Các bên được xem là bên liên quan nếu một bên có khả năng, trực tiếp hay gián tiếp, kiểm soát bên kia hay có ảnh hưởng đáng kể đến bên kia trong việc đưa ra các quyết định tài chính và hoạt động kinh doanh. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu các bên cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

(s) Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi một nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên và tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó theo số năm làm việc của người đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được tính trên cơ sở mức lương hiện tại của nhân viên và thời gian họ làm việc cho Công ty.

(t) Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán

Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán, theo định nghĩa trong Quyết Định số 99/2000/QĐ-BTC ngày 13 tháng 6 năm 2000 của Bộ Tài chính về việc ban hành chế độ kế toán công ty chứng khoán, được trình bày ở các thuyết minh tương ứng của báo cáo tài chính này.

(u) Số dư bằng không

Các khoản mục hay số dư quy định trong Quyết Định số 99/2000/QĐ-BTC ngày 13 tháng 6 năm 2000 của Bộ Tài chính về việc ban hành chế độ kế toán công ty chứng khoán nếu không được thể hiện trên các báo cáo tài chính này thì được hiểu là có số dư bằng không.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007 (tiếp theo)

3. Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

	Môi giới chứng khoán		Đầu tư chứng khoán		Tư vấn đầu tư		Chưa phân bổ		Tổng	
	2007 VND	2006 VND	2007 VND	2006 VND	2007 VND	2006 VND	2007 VND	2006 VND	2007 VND	2006 VND
Doanh thu	32.835.148.535	7.133.457.555	174.179.114.284	103.033.102.134	3.411.628.200	1.098.000.000	20.086.612.144	8.389.043.818	230.512.503.163	119.653.603.507
Kết quả hoạt động kinh doanh	28.954.795.584	6.807.102.729	142.097.055.745	103.033.102.134	-	-	(22.953.565.605)	(8.634.572.160)	148.098.285.724	101.205.632.703
Tài sản	56.358.827.236	40.970.733.903	671.076.601.966	232.425.545.581	-	-	594.723.282.638	116.556.387.640	1.322.158.711.84	0
Nợ phải trả	132.782.699.383	70.635.618.992	-	-	-	-	539.932.373.504	158.436.293.760	672.715.072.887	229.071.912.752

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007 (tiếp theo)

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

	2007 VNĐ	2006 VNĐ
Tiền mặt tại quỹ	360.070.207	3.561.333.621
Tiền gửi ngân hàng	581.427.701.992	119.142.552.711
Tiền và các khoản tương đương tiền trong báo cáo lưu chuyển tiền tệ	581.787.772.199	122.703.886.332

Bao gồm trong tiền vào ngày 31 tháng 12 năm 2007 có số tiền bằng các đơn vị tiền tệ khác VNĐ tương đương 2.172.711VNĐ (ngày 31 tháng 12 năm 2006: không).

5. Đầu tư chứng khoán

	Số dư đầu kỳ VNĐ	Tăng trong kỳ VNĐ	Giảm trong kỳ VNĐ	Số dư cuối kỳ VNĐ
Nguyên giá				
Chứng khoán tự doanh	131.540.684.108	518.225.830.962	(259.608.299.958)	390.158.215.112
Trừ các khoản dự phòng				
Dự phòng giảm giá chứng khoán và đầu tư ngắn hạn	-	(32.082.058.539)	-	(32.082.058.539)
Tổng cộng	131.540.684.108	486.143.772.423	(259.608.299.958)	358.076.156.573

Giá trị sổ sách của chứng khoán niêm yết và chưa niêm yết như sau:

	2007 VNĐ	2006 VNĐ
Chứng khoán niêm yết	127.834.326.377	65.000.475.906
Chứng khoán chưa niêm yết	262.323.888.735	66.540.208.202
Dự phòng giảm giá giá trị chứng khoán và đầu tư ngắn hạn vào chứng khoán	(32.082.058.539)	-
	358.076.156.573	131.540.684.108

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007 (tiếp theo)

Giá trị theo mệnh giá của chứng khoán niêm yết và chứng khoán chưa niêm yết như sau:

Giá trị theo mệnh giá	2007 VNĐ
▪ Niêm yết	19.259.880.000
▪ Chưa niêm yết	64.395.940.000
	83.655.820.000

6. Đầu tư ngắn hạn

Đầu tư ngắn hạn thể hiện trong hợp đồng mua để bán lại chứng khoán với giá trị tương đương 267.166.238.600VNĐ tại ngày 31 tháng 12 năm 2007 (2006: 81.522.200.600VNĐ).

7. Các khoản phải thu khác

Các khoản phải thu khác bao gồm:

	2007 VNĐ	2006 VNĐ
Phải thu từ HIFU	1,854,763,507	3.761.111.340
Phải thu từ Chứng khoán Sacombank	8.205.004.400	-
Ký quỹ đấu giá	13.193.000.000	2.919.000.000
Tạm ứng cho khách hàng kinh doanh chứng khoán	12.932.800.000	7.710.150.000
Các khoản ký quỹ chi mua tài sản	5.610.000.000	5.610.000.000
Các khoản phải thu khác	7.781.122.708	7.929.446.222
	49.576.690.615	27.929.707.562

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007 (tiếp theo)

8. Tài sản cố định hữu hình

	Phương tiện vận chuyển VNĐ	Thiết bị văn phòng VNĐ	Tổng cộng VNĐ
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	895.389.685	2.780.737.185	3.676.126.870
Tăng trong năm	3.177.902.884	2.397.948.600	5.575.851.484
Chuyển sang tài sản khác	-	(18.904.200)	(18.904.200)
Xóa sổ	-	(159.381.375)	(159.381.375)
Thanh lý	(895.389.685)	-	(895.389.685)
Số dư cuối năm	3.177.902.884	5.000.400.210	8.178.303.094
Khấu hao lũy kế			
Số dư đầu kỳ	293.862.770	1.041.021.846	1.334.884.616
Khấu hao trong năm	250.611.089	1.124.435.763	1.375.046.852
Thanh lý	(256.802.722)	-	(256.802.722)
Số dư cuối năm	287.671.137	2.165.457.609	2.453.128.746
Giá trị còn lại			
Số dư cuối năm	2.890.231.747	2.834.942.601	5.725.174.348
Số dư đầu năm	601.526.915	1.739.715.339	2.341.242.254

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007 (tiếp theo)

9. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm vi tính VNĐ
Nguyên giá	
Số dư đầu năm	572.614.615
Tăng trong năm	938.239.405
	<hr/>
Số dư cuối năm	1.510.854.020
	<hr/>
Phân bổ lũy kế	
Số dư đầu năm	289.771.374
Tăng trong năm	760.963.881
	<hr/>
Số dư cuối năm	1.050.735.255
	<hr/>
Giá trị còn lại	
Số dư cuối năm	460.118.765
Số dư đầu năm	282.843.241
	<hr/>

10. Đầu tư chứng khoán dài hạn

Đầu tư chứng khoán dài hạn thể hiện đầu tư vào trái phiếu của công ty và chính phủ với lãi suất từ 6-9% và kỳ hạn từ 3-7 năm.

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm chi phí mua và lắp đặt hệ thống công nghệ thông tin của Công ty.

12. Ký quỹ dài hạn

Số dư này bao gồm khoản tiền đặt cọc có thể hoàn lại cho việc thuê văn phòng của Công ty.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007 (tiếp theo)

13. Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán

Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán phản ánh các khoản tiền ký quỹ tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

Theo Quyết Định số 60/2004/QĐ-BTC ngày 15 tháng 7 năm 2004 và Quyết Định số 72/2005/QĐ-BTC ngày 21 tháng 10 năm 2005 do Bộ Tài Chính ban hành, Công ty phải ký quỹ một khoản tiền ban đầu là 120 triệu VNĐ tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và hàng năm phải đóng thêm 0,008% tổng giá trị chứng khoán giao dịch và môi giới của năm trước.

Biến động tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán trong kỳ như sau:

	2007 VNĐ
Số dư đầu năm và cuối năm	186.024.720

14. Chi phí trả trước dài hạn

	2007 VNĐ
Số dư đầu năm	1.275.030.690
Tăng trong năm	8.587.610.502
Phân bổ trong năm	(2.790.210.537)
Số dư cuối năm	7.072.430.655

15. Thuế phải nộp Ngân sách Nhà Nước

	2007 VNĐ	2006 VNĐ
Thuế		Trình bày lại
Thuế thu nhập doanh nghiệp	8.984.065.620	8.948.480.168
Thuế nhà đầu tư nước ngoài	2.252.147.180	-
Thuế thu nhập cá nhân	409.929.258	126.124.657
	11.646.142.058	9.074.604.825

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007 (tiếp theo)

16. Các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả khác bao gồm:

	2007	2006
	VNĐ	VNĐ
Phải trả cho Công ty Mía đường Sóc Trăng	29.954.800.000	29.954.800.000
Phải trả cho HIFU	-	3.743.643.561
Trả cổ tức	2.652.913.219	1.954.382.112
Tiền mặt nhận từ các cổ đông (*)	427.060.794.000	-
Phải trả khách hàng	-	14.799.385.000
Các khoản phải trả khác	8.180.502.808	28.076.334.047
	467.849.010.027	78.528.544.720

(*) Khoản này bao gồm các khoản tiền nhận được từ các cổ đông. Khoản này sẽ được chuyển sang vốn cổ phần khi Công ty nhận được sự chấp thuận của Ủy Ban Chứng khoán Nhà Nước để tăng vốn cổ phần.

17. Dự phòng trợ cấp thôi việc

	Trợ cấp thôi việc VNĐ
Số dư đầu năm	-
Dự phòng trong năm	400.000.000
	400.000.000

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi một nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên và tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó theo số năm làm việc của người đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được tính trên cơ sở mức lương hiện tại của nhân viên và thời gian họ làm việc cho Công ty.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007 (tiếp theo)

18. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã góp của Công ty là:

	Số lượng cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	20.000.000	200.000.000.000
Vốn cổ phần đã phát hành	20.000.000	200.000.000.000

Biến động vốn cổ phần đã phát hành trong năm như sau:

	2007 Số lượng cổ phiếu	2007 VND
Số dư đầu năm	10.000.000	100.000.000.000
Cổ phiếu đã phát hành trong năm	10.000.000	100.000.000.000
Số dư cuối năm	20.000.000	200.000.000.000

Công ty đang tiến hành tăng vốn được duyệt lên 400 tỷ VNĐ bằng cách phát hành 20.000.000 cổ phiếu mới cho các cổ đông hiện hữu, nhân viên và các cổ đông chiến lược của Công ty.

Biến động thặng dư cổ phần như sau:

	2007 Số lượng cổ phiếu	2007 VND
Số dư đầu năm	10.000.000	5.275.000.000
Cổ phiếu phát hành trong năm	10.000.000	230.824.785.000
Số dư cuối năm	20.000.000	236.099.785.000

Biến động cổ phiếu quỹ trong năm như sau:

	2007 Số lượng cổ phiếu	2007 VND
Số dư đầu năm	1.130.000	39.360.162.500
Cổ phiếu tái phát hành trong năm	(1.130.000)	(39.360.162.500)
Số dư cuối năm	-	-

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007 (tiếp theo)

19. Các quỹ dự trữ pháp định và quỹ khác

Theo Thông tư số 27/2007/QĐ-BTC ngày 24 tháng 4 năm 2007 do Bộ Tài Chính cấp, các công ty chứng khoán phải thực hiện việc trích lập các quỹ dưới đây từ lợi nhuận sau thuế trước khi phân phối lợi nhuận:

	Tỷ lệ trích lập hàng năm	Số dư tối đa
Quỹ dự trữ bổ sung vốn cổ phần	5% lợi nhuận sau thuế	100% vốn cổ phần
Quỹ trên đây được tính căn cứ vào lợi nhuận sau thuế. Mục đích của quỹ dự trữ này là bổ sung vào vốn cổ phần.		
Quỹ dự phòng tài chính	5% lợi nhuận sau thuế	10% vốn cổ phần

Mục đích của quỹ dự phòng tài chính là nhằm bù đắp các khoản lỗ phát sinh trong quá trình hoạt động kinh doanh của Công ty. Quỹ dự phòng này và quỹ dự trữ bổ sung vốn cổ phần không được phép sử dụng.

Công ty đã trích lập 4.573.219.676VNĐ từ lợi nhuận chưa phân phối vào quỹ khen thưởng và phúc lợi. Quỹ này được trích lập tự nguyện và được phép sử dụng hết. Quỹ được thành lập nhằm mục đích thanh toán các chi phí liên quan đến khen thưởng và phúc lợi cho nhân viên. Theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các nguyên tắc kế toán được chấp nhận chung tại Việt Nam, Công ty được phép ghi nhận các chi phí liên quan đến khen thưởng và phúc lợi của nhân viên trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hoặc ghi nhận các chi phí này như các khoản sử dụng quỹ khen thưởng và phúc lợi trong mục vốn chủ sở hữu. Chính sách kế toán của Công ty là ghi nhận các chi phí này như các khoản sử dụng quỹ khen thưởng và phúc lợi trong mục vốn chủ sở hữu. Trong năm, Công ty đã sử dụng để thanh toán tổng cộng 1.803.672.200VNĐ từ quỹ khen thưởng và phúc lợi.

20. Doanh thu từ vốn kinh doanh

	2007	2006
	VNĐ	VNĐ
Thu nhập tiền lãi từ hợp đồng mua để bán lại chứng khoán và các hoạt động vốn kinh doanh khác	19.955.285.015	6.505.272.421

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007 (tiếp theo)

21. Chi phí hoạt động kinh doanh chứng khoán

	2007	2006
	VNĐ	VNĐ
Dự phòng chứng khoán tự doanh ngắn hạn	32.082.058.539	-
Phí môi giới	3.880.352.951	326.354.826
Chi phí lãi vay	2.127.252.736	842.824.334
Chi phí khác	3.051.645.550	1.542.528.390
	<hr/>	
	41.141.309.776	2.711.207.550
	<hr/>	

22. Chi phí quản lý

	2007	2006
	VNĐ	VNĐ
Chi phí nhân viên	17.893.304.044	5.867.221.200
Khấu hao và phân bổ	4.962.221.270	719.834.658
Thuế và phí	174.347.660	466.797.344
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.662.063.035	2.069.431.640
Chi phí khác	10.559.293.781	6.478.399.778
	<hr/>	
	41.215.229.790	15.601.684.620
	<hr/>	

23. Chi phí nhân viên

	2007	2006
	VNĐ	VNĐ
Tổng lương và các chi phí liên quan	17.893.304.044	5.867.221.200
	<hr/>	
Lương bình quân hằng tháng/nhân viên	11.928.827	8.580.000
Thu nhập bình quân hằng tháng/nhân viên	16.033.427	9.778.702
	<hr/>	

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007 (tiếp theo)

24. Thuế thu nhập doanh nghiệp (“TNDN”)

(a) Được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	2007 VNĐ	2006 VNĐ Trình bày lại
Chi phí thuế hiện hành		
Năm hiện hành	15.953.137.742	9.596.755.451

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

		2007 VNĐ		2006 VNĐ Trình bày lại
Lợi nhuận trước thuế		148.098.285.724		101.205.632.703
Thuế theo thuế suất thuế TNDN	10%	14.809.828.572	10%	10.120.563.270
Giảm thu nhập không bị tính thuế	(0,4%)	(580.676.580)	(0,5%)	(523.807.819)
Tăng thu nhập chịu thuế khác	1,2%	1.723.985.750	0%	-
	10,8%	15.953.137.742	9,5%	9.596.755.451

(c) Thuế suất áp dụng

Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế TNDN với thuế suất 20% trên lợi nhuận tính thuế trong 10 năm đầu và 28% trong những năm tiếp theo. Các điều khoản trong Giấy phép kinh doanh chứng khoán của Công ty cho phép Công ty được miễn thuế TNDN trong 2 năm tính từ năm có lãi chịu thuế đầu tiên (2003 - 2004) và được giảm 50% thuế suất thuế TNDN trong 3 năm tiếp theo (2005 - 2007).

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007 (tiếp theo)

25. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan và số dư trong năm như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch/ số dư	2007 VND	2006 VND
Công ty TNHH Dragon Capital Markets	Cổ đông chiến lược	Chứng khoán kinh doanh – mua	130.151.700.000	-
		Chứng khoán kinh doanh – bán	889.342.000	-
		Phí môi giới	27.364.353	-
Quỹ Đầu tư Phát triển đô thị Thành phố Hồ Chí Minh ("HIFU")	Cổ đông chiến lược	Chứng khoán kinh doanh – bán	11.646.210.000	10.486.575.000
		Phí môi giới	17.469.315	20.973.150

26. Giá trị giao dịch trong năm

Khoản mục	Khối lượng giao dịch thực hiện trong năm Cổ phiếu	Tổng giá trị khối lượng giao dịch VND
Các giao dịch của Công ty		
Cổ phiếu	10.097.790	932.944.672.707
Trái phiếu	2.953.854	142.207.522.240
Các giao dịch của khách hàng		
Cổ phiếu	150.987.626	15.654.676.258.000
Tổng cộng	164.039.270	16.729.828.452.947

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007 (tiếp theo)

27. Biến động các khoản phải thu và các khoản phải trả

Khoản mục	Số dư đầu kỳ VND	Tăng trong kỳ VND	Giảm trong kỳ VND	Số dư cuối kỳ VND
1. Các khoản phải thu	30.024.683.007	3.685.650.201.627	(3.665.460.705.497)	50.214.179.137
1.1. Trả trước cho người bán	457.800.000	325.514.775.000	(325.972.575.000)	-
1.2. Các khoản phải thu khác	27.929.707.562	3.346.851.236.190	(3.325.204.253.137)	49.576.690.615
1.3. Khoản ứng trước	1.637.175.445	13.284.190.437	(14.283.877.360)	637.488.522
2. Các khoản phải trả	226.587.335.912	23.423.240.396.763	(22.983.193.745.349)	666.633.987.326
Nợ ngắn hạn	226.587.335.912	23.423.240.396.763	(22.983.193.745.349)	666.633.987.326
2.1. Cho vay ngắn hạn	64.169.485.600	247.795.939.000	(311.965.424.600)	-
2.2. Các khoản phải trả				
Phải trả cho người bán	1.363.036.900	981.109.857.934	(982.472.894.834)	-
Người mua ứng trước	879.774.875	89.941.654.300	(84.803.261.347)	6.018.167.828
Phải trả – thương mại	1.936.270.000	203.495.990.000	(204.774.260.000)	658.000.000
2.3. Thuế phải nộp Ngân sách Nhà nước	9.074.604.825	22.158.642.736	(19.587.105.503)	11.646.142.058
2.4. Các khoản phải trả khác	78.528.544.720	5.903.568.095.626	(5.514.247.630.319)	467.849.010.027
2.5. Thanh toán giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư	70.635.618.992	12.005.745.300.447	(11.943.598.220.056)	132.782.699.383
2.6. Phải trả cho Trung tâm giao dịch chứng khoán	-	3.969.424.916.720	(3.921.744.948.690)	47.679.968.030

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007 (tiếp theo)

28. Các chỉ tiêu đánh giá

Các chỉ tiêu	2007	2006
1. Cơ cấu tài sản và nguồn vốn		
- Tài sản cố định/tổng tài sản (%)	0,5%	0,7%
- Tài sản ngắn hạn/tổng tài sản (%)	95,2%	93,9%
2. Tỷ suất lợi nhuận		
- Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu (%)	64,2%	84,6%
- Tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu (%)	22,8%	62,9%
3. Tình hình tài chính		
- Tổng nợ phải trả/tổng tài sản (%)	50,9%	58,7%
- Khả năng thanh toán (%):		
+ Hiện hành: Tài sản ngắn hạn/nợ ngắn hạn	187,0%	159,8%
+ Nhanh: (tài sản ngắn hạn – hàng tồn kho)/nợ ngắn hạn	187,0%	159,8%
+ Khả năng thanh khoản: tiền và các khoản tương đương tiền/nợ ngắn hạn	86,5%	53,6%

29. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Sau ngày kết thúc niên độ, do sự giảm giá chung của thị trường chứng khoán Việt Nam, giá trị của một số chứng khoán đã giảm so với giá ghi sổ vào ngày 31 tháng 12 năm 2007. Ban giám đốc tin rằng ảnh hưởng chung là không đáng kể do có một số chứng khoán khác mà giá hiện tại cao hơn so với giá trị ghi sổ vào ngày 31 tháng 12 năm 2007.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007 (tiếp theo)

30. Các cam kết

(a) Chi tiêu vốn

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2007 Công ty có các cam kết vốn đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trên bảng cân đối kế toán như sau:

	2007 VND	2006 VND
Đã duyệt và đã ký kết hợp đồng	4.060.617.561	-

b) Cam kết thuê

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	2007 VND	2006 VND
Trong vòng một năm	7.241.873.310	1.833.128.640
Trong hai đến năm năm	16.354.727.046	2.902.453.680
Trên năm năm	1.775.392.178	-
	<hr/> 25.371.992.534	<hr/> 4.735.582.320

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007 (tiếp theo)

31. Lãi trên cổ phiếu

(a) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc xác định lãi cơ bản trên cổ phiếu vào ngày 31 tháng 12 năm 2007 được dựa trên số lợi nhuận có thể phân phối cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty là 132.145 triệu VNĐ (2006: 91.609 triệu VNĐ) và số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành là 12.329.627 (2006: 5.901.334), được thực hiện như sau:

(i) Lợi nhuận thuần có thể phân phối cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông

	2007	2006
	VNĐ	VNĐ
Lợi nhuận thuần có thể phân phối cho cổ đông	132.145.147.982	91.608.877.252

(ii) Số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành

	2007	2006
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành đầu năm	8.870.000	4.988.000
Ảnh hưởng của cổ phiếu được phát hành trong năm	2.630.137	1.041.096
Ảnh hưởng của việc mua lại cổ phiếu quỹ	-	(118.762)
Ảnh hưởng của việc tái phát hành cổ phiếu quỹ	829.490	-
Số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành vào cuối năm	12.329.627	5.910.334

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007 (tiếp theo)****(b) Lãi suy giảm trên cổ phiếu**

Việc xác định lãi suy giảm trên cổ phiếu vào ngày 31 tháng 12 năm 2007 được dựa trên số lợi nhuận có thể phân phối cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty là 132.145 triệu VNĐ (2006: 91.609 triệu VNĐ) và số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành là 32.329.627 (2006: 5.910.334), sau khi điều chỉnh do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm, được thực hiện như sau:

(i) Lợi nhuận thuần có thể phân phối cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (suy giảm)

	2007 VNĐ	2006 VNĐ
Lợi nhuận thuần có thể phân phối cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (cơ bản)	132.145.147.982	91.608.877.252
Chi phí lãi trên trái phiếu có thể chuyển đổi, đã tính thuế	-	-
	<hr/>	<hr/>
Lợi nhuận thuần có thể phân phối cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (suy giảm)	132.145.147.982	91.608.877.252

(ii) Số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành (suy giảm)

	2007 VNĐ	2006 VNĐ
Số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành (cơ bản)	12.329.627	5.910.334
Ảnh hưởng của cổ phiếu đang chờ được phép lưu hành	20.000.000	-
	<hr/>	<hr/>
Số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành (suy giảm) vào ngày 31 tháng 12 năm 2007	32.329.627	5.910.334

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007 (tiếp theo)

32. Điều chỉnh cho năm trước

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2006, Công ty không trích lập thuế thu nhập doanh nghiệp cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2006 tương đương 9.596.755.451 VNĐ. Để sửa sai, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp và khoản thuế phải trả cho Ngân sách Nhà nước đã được điều chỉnh hồi tố.

Ảnh hưởng của các điều chỉnh trên lên các số liệu tại ngày 31 tháng 12 năm 2006 như sau:

Bảng cân đối kế toán

	2006 (chưa điều chỉnh) VNĐ	Điều chỉnh VNĐ	2006 (sau khi điều chỉnh) VNĐ
Thuế phải trả cho Ngân sách Nhà nước	(522.150.626)	9.596.755.451	9.074.604.825
Lợi nhuận chưa phân phối	101.205.632.703	(9.596.755.451)	91.608.877.252

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	2006 (chưa điều chỉnh) VNĐ	Điều chỉnh VNĐ	2006 (sau khi điều chỉnh) VNĐ
Lợi nhuận sau thuế	101.205.632.703	(9.596.755.451)	91.608.877.252
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	9.596.755.451	9.596.755.451

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007 (tiếp theo)

33. Số liệu so sánh

Các số liệu so sánh được phân loại lại cho phù hợp với trình bày năm hiện hành như sau:

Bảng cân đối kế toán

	2006 (Phân loại lại)	2006 (như báo cáo trước đây)
	VND	VND
Chứng khoán tự doanh	131.540.684.108	213.062.884.708
Đầu tư ngắn hạn	81.522.200.600	-

Người lập:

Lâm Hữu Hồ
Giám đốc Tài chính

Người duyệt:



Johan Nyvene
Giám đốc điều hành

11 APR 2008